

BẢO TỒN MỘC BẢN PHẬT GIÁO TỪ GÓC NHÌN DI SẢN TƯ LIỆU

TRẦN ĐỨC NGUYỄN*

Tóm tắt: Mộc bản Phật giáo hiện còn được lưu giữ tại nhiều ngôi chùa ở nước ta. Đây là những di sản tư liệu đặc biệt, đồng thời là một bộ phận quan trọng của di sản văn hóa Phật giáo cần được bảo vệ, gìn giữ và phát huy giá trị trong bối cảnh hiện nay. Trên cơ sở tiếp cận quan điểm về di sản tư liệu của UNESCO (Chương trình Ký ức thế giới) và Luật Di sản văn hóa Việt Nam, bài viết nhận diện mộc bản Phật giáo như một nguồn tư liệu lịch sử - tôn giáo có giá trị nổi bật về văn hóa, nghệ thuật và ngôn ngữ. Từ đó, đề xuất một số định hướng bảo tồn và phát huy giá trị mộc bản Phật giáo có sự kết hợp giữa phương pháp bảo tồn truyền thống với ứng dụng công nghệ hiện đại và chuyển đổi số, hướng tới mô hình bảo tồn bền vững, dựa vào cộng đồng Phật giáo và các chủ thể văn hóa tại địa phương.

Từ khóa: di sản tư liệu, mộc bản, mộc bản Phật giáo, bảo tồn di sản, Chương trình Ký ức thế giới.

Abstract: Buddhist woodblocks are currently preserved in numerous pagodas across Vietnam. These woodblocks represent a unique form of documentary heritage and constitute an essential component of Buddhist cultural heritage that needs to be safeguarded, maintained, and promoted in the contemporary context. Drawing upon UNESCO's Memory of the World framework and the provisions of the Vietnamese Law on Cultural Heritage, this paper identifies Buddhist woodblocks as a significant source of historical and religious documentation, embodying outstanding cultural, artistic, and linguistic values. On that basis, the study proposes several orientations for the preservation and valorization of Buddhist woodblocks through an integrated approach that combines traditional conservation practices with modern technological applications and digital transformation. The paper further emphasizes a sustainable, community-based preservation model that engages Buddhist communities and local cultural stakeholders.

Keywords: documentary heritage, woodblocks, Buddhist woodblock scriptures, heritage conservation, Memory of the World Programme.

1. Nhận thức chung về di sản tư liệu

Từ năm 1992, Tổ chức UNESCO đã khởi xướng Chương trình Ký ức thế giới (Memory of the World Programme - MOW) với mục tiêu bảo vệ, bảo tồn và phát huy các di sản tư liệu có giá trị nổi bật đối với nhân loại. Theo UNESCO, di sản tư liệu là “ký ức được ghi lại của các dân tộc, phản ánh quá trình phát triển tư tưởng, khám phá và thành tựu của con người qua các giai đoạn lịch sử”. Đây là những hồi ức của các dân tộc được chọn lọc và ghi lại bằng tư liệu phản ánh về nhiều lĩnh vực như lịch sử, văn hóa, nghệ thuật, ngoại giao... Những hồi ức này đại diện cho một bộ phận của di sản thế giới. Ký ức thế giới ghi lại sự phát

triển về tư tưởng, những khám phá và thành tựu của nhân loại. Đó là di sản của quá khứ được truyền lại cho các thế hệ hôm nay và mai sau (1).

Cùng với các loại hình di sản khác là di sản vật thể (bao gồm cả di sản văn hóa, di sản thiên nhiên và di sản hỗn hợp), di sản văn hóa phi vật thể, các di sản tư liệu được UNESCO xác định và nhận diện, các di sản này nằm trong lĩnh vực thông tin và truyền thông, bởi bản thân nó có hàm chứa những thông tin, thông điệp mà chúng ta có thể đọc, hiểu, đồng thời cũng có thể truyền lại cho các thế hệ tiếp sau. Theo đó, di sản tư liệu được xác định là những sản phẩm mang thông tin được hình thành từ ký hiệu, mật mã,

âm thanh hoặc hình ảnh dưới nhiều dạng độc đáo, phản ánh những thành tựu tiêu biểu về lịch sử, tư tưởng, văn hóa, khoa học... Di sản tư liệu tồn tại dưới những dạng thức khác nhau có thể là một tài liệu riêng lẻ, nhưng cũng có thể là một nhóm tài liệu dưới dạng một bộ sưu tập, một khối tài liệu hoặc một hệ thống lưu trữ. Các tài liệu riêng lẻ hay các bộ sưu tập đó có thể là các sách, báo, bản thảo, di cảo, tài liệu, tranh áp phích... cũng có thể dưới dạng các bức vẽ, sơ đồ, bản đồ, bản nhạc... (2).

MOW được ra đời xuất phát từ nhu cầu bảo tồn và tiếp cận những di sản tư liệu quý có nguy cơ bị xâm hại ở nhiều quốc gia, vùng lãnh thổ và các khu vực khác nhau “do nhiều nguyên nhân như mất mát, lãng phí, buôn lậu, hủy hoại, thiếu kho tàng để bảo quản hoặc do thiên tai... di sản tư liệu của nhiều dân tộc đã và đang phải chịu nhiều số phận khác nhau. MOW ra đời nhằm ghi nhận những di sản tư liệu có giá trị, mang tầm quan trọng cấp quốc tế, khu vực và quốc gia nhằm hướng tới sự chú ý của cộng đồng vào việc giữ gìn các sưu tập tài liệu quý, hiếm và tạo điều kiện thuận lợi cho việc bảo tồn và tiếp cận chúng” (3). Với 3 mục tiêu cốt lõi: tạo điều kiện bảo tồn các di sản tư liệu của thế giới bằng kỹ thuật thích hợp; hỗ trợ khả năng tiếp cận di sản tư liệu trên phạm vi toàn thế giới và nâng cao nhận thức của các quốc gia thành viên về sự tồn tại và tầm quan trọng của di sản tư liệu. Qua đó, UNESCO đã góp phần hình thành hệ thống chuẩn mực quốc tế cho việc bảo vệ và phát huy giá trị loại hình di sản này.

Tại Việt Nam, thuật ngữ “di sản tư liệu” được đề cập khi nước ta tham gia MOW vào năm 2006 và được quy định cụ thể trong Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 10382:2014 - Di sản văn hóa và các vấn đề liên quan - Thuật ngữ và định nghĩa chung. Theo đó, di sản tư liệu được hiểu là “sản phẩm mang thông tin được hình thành từ các ký hiệu, mật mã, âm thanh hoặc hình ảnh dưới những dạng thức độc đáo, phản ánh các thành tựu tiêu biểu về lịch sử, tư tưởng, văn hóa và khoa học” (4). Đến năm 2024, khi Luật Di sản văn hóa (sửa đổi) được ban hành, khái niệm này tiếp tục được hoàn thiện: “Di sản tư liệu là nội dung thông tin gốc được tạo lập có chủ ý của nhóm người hoặc cá nhân, thể hiện bằng ký hiệu, mật mã, chữ viết, hình vẽ, âm thanh, hình ảnh tĩnh hoặc động, dạng số và các dạng khác trên vật mang thông tin gốc có thể tiếp cận và có giá trị lịch

sử, văn hóa, khoa học, thẩm mỹ đối với ít nhất một cộng đồng” (5). Có thể thấy, Luật đã mở rộng phạm vi nhận diện di sản tư liệu, không chỉ giới hạn ở tư liệu cổ truyền (như châu bản, mộc bản, bản đồ, thư tịch cổ...) mà còn bao gồm cả dữ liệu số - phản ánh xu hướng hội nhập với quan điểm bảo tồn tri thức trong thời đại chuyển đổi số.

Như vậy, căn cứ vào các khái niệm cũng như từ thực tế, có thể thấy về bản chất, di sản tư liệu có 3 đặc điểm quan trọng cần được lưu ý trong quá trình nghiên cứu bảo tồn là tính lịch sử - ghi nhận và phản ánh tiến trình của loài người qua các giai đoạn lịch sử, một sự kiện lịch sử, một hiện tượng văn hóa - xã hội hoặc một nhân vật lịch sử cụ thể; tính chân xác - thể hiện ở lượng thông tin gốc, đáng tin cậy, có giá trị khoa học và xác thực; tính độc đáo - thể hiện qua những giá trị riêng biệt về lịch sử, văn hóa, khoa học... không thể thay thế.

Về mặt cấu trúc, di sản tư liệu được phân thành 3 loại theo nội dung - hình thức - phạm vi và cấp độ thể hiện. Theo nội dung thông tin, di sản tư liệu lại được phân nhánh: Di sản tư liệu có tính chất hành chính (văn bản quản lý nhà nước, hồ sơ công vụ); Di sản tư liệu văn học nghệ thuật (tác phẩm văn hóa, thơ ca, các tác phẩm hội họa, điêu khắc...); Di sản tư liệu về tôn giáo, tín ngưỡng (kinh điển, mộc bản, nghi thức, nghi lễ, truyền thuyết, huyền thoại...); Di sản tư liệu khoa học (công trình nghiên cứu, sáng tạo và phát minh mới...). Theo hình thức thể hiện, di sản tư liệu được phân nhánh: Di sản tư liệu truyền thống (thư tịch mộc bản, châu bản, bia ký, bản thảo, thư từ, nhật ký, sách báo...), bản đồ, hình ảnh, bản khắc; Di sản tư liệu hiện đại (tài liệu điện tử, cơ sở dữ liệu, phim ảnh, băng ghi âm, trang web, ấn phẩm đồ họa...). Theo quy định của Luật Di sản văn hóa, di sản tư liệu bao gồm: Nội dung thông tin được thể hiện bằng ký tự, mật mã, chữ viết, hình vẽ trên vật, mang tin là lá cây, xương, gỗ, đá, gốm, giấy, nhựa, vải, kính, kim loại hoặc vật mang tin có chất liệu khác; Nội dung thông tin được thể hiện bằng âm thanh, hình ảnh tĩnh, động trên vật mang tin là phim, ảnh, bản ghi, bản thu âm và các vật mang tin gốc; Nội dung thông tin được thể hiện bằng dạng số trên vật mang tin chứa đựng dữ liệu điện tử.

Cách phân loại trong Luật hiện nay có ý nghĩa quan trọng cho việc tu bổ, bảo quản và phát huy giá trị di sản tư liệu mà chúng ta cần quan tâm trong hoạt

động nghiệp vụ, về thực chất đây chỉ là cách phân loại theo chất liệu của vật mang thông tin và cách thức truyền tải thông tin mà chưa phải là nội dung thông tin. Theo quan điểm bảo tàng học hiện đại, thì nội dung thông tin hàm chứa trong di sản tư liệu mới là yếu tố có ích cho con người hôm nay và mai sau, nó là yếu tố phải được bảo vệ, phát huy giá trị và trao truyền qua nhiều thế hệ.

Từ góc nhìn bảo tồn, có thể thấy di sản tư liệu khác biệt với di sản văn hóa vật thể ở chỗ: giá trị cốt lõi nằm ở thông tin được lưu giữ, chứ không chỉ ở vật mang tin. Do vậy, công tác bảo tồn di sản tư liệu cần hướng đến bảo đảm tính nguyên gốc của thông tin, duy trì khả năng truy cập và phát huy giá trị xã hội của tư liệu đó.

Từ những cơ sở lý luận nêu trên, có thể nhận thấy mộc bản Phật giáo - một dạng thức đặc biệt của di sản tư liệu tôn giáo, trong đó thông tin được ghi khắc, lưu truyền và trao truyền qua nhiều thế hệ không chỉ mang giá trị tôn giáo - triết học mà còn phản ánh tiến trình phát triển tư duy, nghệ thuật và kỹ thuật khắc in của người Việt qua các thời kỳ lịch sử. Việc nhận diện mộc bản Phật giáo dưới góc độ di sản tư liệu cho phép chúng ta tiếp cận hệ thống này không chỉ như một vật thể tôn giáo từ xưa, mà còn như nguồn tư liệu gốc chứa đựng tri thức, ký ức và bản sắc văn hóa của cộng đồng Phật tử Việt Nam. Đây cũng chính là nền tảng khoa học quan trọng cho việc nghiên cứu, bảo tồn và phát huy giá trị của các bộ mộc bản tại các ngôi chùa vùng đồng bằng Bắc Bộ hiện nay.

2. Mộc bản trong kho tàng di sản văn hóa Phật giáo ở Việt Nam

Những đóng góp của Phật giáo đối với di sản văn hóa Việt Nam

Phật giáo du nhập vào nước ta từ khoảng TK II và nhanh chóng hòa nhập, trở thành một bộ phận hữu cơ của đời sống tinh thần dân tộc. Trải qua hơn 2 thiên niên kỷ phát triển, Phật giáo đã để lại dấu ấn sâu đậm trong hầu hết các lĩnh vực của văn hóa Việt Nam, từ tư tưởng, đạo đức, giáo dục, y học cho đến nghệ thuật, kiến trúc và tín ngưỡng dân gian.

Về tư tưởng và đạo đức, triết lý “từ bi, hỷ xả” của Phật giáo đã thấm sâu vào nếp sống, quan niệm đạo đức và cách ứng xử của người Việt, góp phần hình thành nên truyền thống nhân văn “thương người như thể thương thân”. Tinh thần khoan dung và vị tha của Phật giáo cũng trở thành nền tảng đạo lý cho sự giao

lưu văn hóa và hội nhập quốc tế - bệ đỡ tinh thần cho người Việt Nam bước vào kỷ nguyên mới: phát triển, hùng cường, thịnh vượng và hạnh phúc.

Phật giáo còn hòa quyện, gắn bó chặt chẽ với tín ngưỡng dân gian, hình thành nên hệ thống lễ hội phong phú như lễ Phật Đản, Vu Lan và các lễ hội trong hệ thống chùa Phật giáo trong cả nước. Những lễ hội ấy không chỉ mang giá trị tôn giáo mà còn là không gian sinh hoạt văn hóa cộng đồng, tạo ra sức mạnh đại đoàn kết dân tộc.

Ở phương diện giáo dục và y học, các chùa chiền thời xưa không chỉ là nơi tu học mà còn là trung tâm truyền bá tri thức, giảng dạy chữ Hán, chữ Nôm, dạy võ thuật và chữa bệnh cho dân nghèo. Nhiều danh tăng Việt Nam đồng thời là danh y, danh nho, học giả uyên bác như thiền sư Vạn Hạnh, Mãn Giác, Pháp Loa, Huyền Quang, Tuệ Tĩnh, Lê Hữu Trác... Họ là những nhân vật vừa tu hành, vừa góp phần phát triển y học cổ truyền, văn học và triết học dân tộc.

Bên cạnh đó, Phật giáo còn đóng góp to lớn cho nghệ thuật và kiến trúc Việt Nam. Hệ thống chùa tháp trên khắp cả nước - tiêu biểu là các chùa: Dâu, Phật Tích, Bút Tháp, Vĩnh Nghiêm, Bồ Đà, Tây Phương và chùa Hương - vừa là không gian tín ngưỡng, vừa là di sản kiến trúc nghệ thuật đặc sắc, kết tinh tinh hoa thẩm mỹ Việt. Các pho tượng như tượng A di đà chùa Phật Tích (TK XI), tượng Quan Âm nghìn mắt nghìn tay chùa Bút Tháp (TK XVII), hệ thống tượng Phật chùa Tây Phương... là những kiệt tác điêu khắc thể hiện sự kết hợp giữa tinh thần Phật giáo và tâm hồn nghệ sĩ dân gian.

Từ những giá trị vật thể và phi vật thể đó, có thể khẳng định rằng Phật giáo không chỉ góp phần làm phong phú đời sống tín ngưỡng, mà còn là một nguồn lực sáng tạo văn hóa quan trọng, để lại dấu ấn đậm nét trong kho tàng di sản văn hóa Việt Nam.

Giá trị của mộc bản trong hệ thống di sản văn hóa Phật giáo

Trong kho tàng di sản Phật giáo, mộc bản là loại hình di sản khá đặc biệt, vừa mang những giá trị vật thể lại vừa hàm chứa giá trị phi vật thể. Mộc bản là những tấm ván gỗ được khắc ngược chữ Hán, chữ Nôm... để in ấn kinh sách, tài liệu. Từ góc độ bảo tồn di sản tư liệu, mộc bản là “vật mang thông tin gốc”, chứa đựng tri thức, giáo lý và tư tưởng Phật giáo, đồng thời phản ánh trình độ kỹ thuật, nghệ

thuật và tư duy thẩm mỹ của người Việt trong các thời kỳ lịch sử.

Theo khảo sát, các mộc bản Phật giáo thường được khắc chủ yếu trên gỗ mít hoặc gỗ thị - những loại gỗ bền, dễ khắc và ít cong vênh. Việc chế tác hoàn toàn thủ công, do sự hợp tác giữa giới tăng sĩ (người lựa chọn và biên soạn nội dung) và các nghệ nhân dân gian (người thực hiện kỹ thuật chạm khắc). Các bộ mộc bản thường khắc những bộ kinh, luật, luận, sớ điệp, tranh Phật giáo, bùa chú hoặc quẻ thẻ. Hình thức khắc chữ ngược đòi hỏi kỹ thuật tinh vi và độ chính xác cao, thể hiện trình độ khéo léo, nghệ thuật đặc sắc của người Việt xưa.

Tiếp cận từ góc nhìn di sản tư liệu, mộc bản Phật giáo mang những giá trị nổi bật sau:

Giá trị lịch sử - văn hóa: mộc bản là bằng chứng sống động cho quá trình du nhập, bản địa hóa và phát triển Phật giáo ở Việt Nam. Từ các kinh điển gốc Ấn Độ và Trung Hoa, các cao tăng Việt Nam đã dịch, biên soạn và khắc in những bản kinh mang đậm sắc thái bản địa, góp phần hình thành dòng Phật giáo Đại Việt đặc trưng. Thông qua nội dung mộc bản, có thể nhận diện tiến trình giao lưu văn hóa và tư tưởng giữa Phật giáo, Nho giáo và Đạo giáo trong lịch sử.

Giá trị nghệ thuật - kỹ thuật: nghệ thuật khắc ván in thể hiện trình độ thẩm mỹ cao, kết hợp giữa thư pháp Hán - Nôm với chạm khắc tinh xảo và biểu tượng Phật giáo. Các đường nét, bố cục và họa tiết trang trí phản ánh sự giao thoa giữa nghệ thuật cung đình, dân gian và tôn giáo, tạo nên những tác phẩm vừa có chức năng in ấn vừa có giá trị mỹ thuật. Kỹ thuật điêu khắc gỗ thể hiện trình độ tay nghề thành thạo cao độ trong việc chọn, xử lý chất liệu bề mặt gỗ và khắc chữ.

Giá trị ngôn ngữ - học thuật: mộc bản Phật giáo lưu giữ hệ thống ngôn ngữ cổ phong phú, bao gồm chữ Hán, chữ Nôm và các thuật ngữ Phật học được Việt hóa. Đây là nguồn tư liệu quý cho việc nghiên cứu lịch sử chữ viết, văn học, triết học và dịch thuật tôn giáo ở Việt Nam.

Giá trị tư tưởng - tri thức dân gian: ngoài nội dung kinh điển, nhiều bộ mộc bản còn là những tác phẩm xuất sắc của các danh tăng, học giả Việt Nam, phản ánh nhiều mặt đời sống xã hội như: quá trình tiếp nhận, biến đổi và phát triển tư tưởng Phật giáo ở nước ta; sự giao thoa, tiếp biến giữa Phật giáo với

tín ngưỡng dân gian, Nho giáo và Đạo giáo; sự đóng góp lớn của các thiền phái Việt Nam vào kho tàng tri thức Phật giáo thế giới, đặc biệt là kho tàng di sản tư liệu của UNESCO. Nhiều bộ mộc bản chứa đựng những tri thức về y học, lịch pháp, phong thủy, nghi lễ và tín ngưỡng dân gian. Chúng phản ánh mối liên hệ mật thiết giữa đạo Phật và đời sống thường nhật, giữa tu tập tâm linh và tri thức thực tiễn của cộng đồng.

Chính bởi vậy, mộc bản Phật giáo không chỉ là phương tiện lưu trữ giáo lý, mà còn là tư liệu gốc phản ánh ký ức văn hóa dân tộc. Việc nghiên cứu và bảo tồn hệ thống mộc bản tại các ngôi chùa vùng Bắc Bộ không chỉ giúp tái hiện diện mạo Phật giáo Việt Nam qua các thời kỳ, mà còn đóng góp thiết thực vào công cuộc gìn giữ và phát huy giá trị di sản tư liệu tôn giáo trong bối cảnh hiện nay.

Từ góc nhìn bảo tồn di sản, mộc bản Phật giáo vừa là đối tượng vật chất cần bảo quản theo kỹ thuật truyền thống, vừa là nguồn dữ liệu di sản số có thể khai thác, số hóa, phiên dịch và phổ biến rộng rãi. Việc hiểu rõ giá trị và đặc trưng của loại hình di sản này chính là cơ sở để xây dựng các chiến lược bảo tồn hiệu quả và bền vững, được trình bày cụ thể ở phần tiếp theo.

3. Bảo tồn các bộ sưu tập mộc bản Phật giáo - những vấn đề cần quan tâm

Từ việc nhận diện những giá trị lịch sử, nghệ thuật, ngôn ngữ và tư tưởng đặc sắc của mộc bản Phật giáo trong hệ thống di sản văn hóa Phật giáo Việt Nam, có thể thấy rằng việc bảo tồn các bộ sưu tập này không chỉ là nhu cầu cấp bách về mặt kỹ thuật, mà còn là trách nhiệm gìn giữ một phần ký ức tri thức và tinh thần của dân tộc. Trong bối cảnh đó, công tác bảo tồn mộc bản Phật giáo hiện nay đang đặt ra nhiều thách thức, đặc biệt tại các ngôi chùa vùng đồng bằng Bắc Bộ - nơi vẫn lưu giữ số lượng lớn mộc bản cổ có giá trị nhưng đang bị xuống cấp nhanh chóng.

Như đã trình bày, hầu hết các bộ sưu tập mộc bản Phật giáo ở các ngôi chùa vùng đồng bằng Bắc Bộ đều được khắc trên gỗ thị hoặc gỗ mít. Tuy nhiên, trải qua hàng trăm năm tồn tại, dưới tác động của thời gian, khí hậu nhiệt đới nóng ẩm, các loại côn trùng gây hại và nhiều yếu tố khách quan khác, các bộ mộc bản Phật giáo hiện đang trong tình trạng xuống cấp rõ rệt, thậm chí có nguy cơ hư hại nghiêm trọng nếu không có biện pháp bảo quản kịp thời.

Qua khảo sát thực tế tại một số di tích tôn giáo - tín ngưỡng có lưu giữ mộc bản như tại các chùa Vĩnh Nghiêm, Bồ Đà, Đồng Giới, Dư Hàng, Tế Xuyên hay chùa Khê Hồi... có thể nhận thấy rằng phần lớn mộc bản đang trong tình trạng xuống cấp đáng kể. Các biểu hiện hư hại phổ biến như bị nứt, vỡ, mục, bị mối mọt xâm hại... Một số mộc bản có chất lượng tốt vẫn giữ được hình thức nguyên vẹn tương đối, tuy nhiên số lượng này không nhiều. Chẳng hạn, theo kết quả khảo sát thực tế của nhóm nghiên cứu thuộc Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam và Viện Nghiên cứu Công nghiệp rừng cho thấy, tình trạng mộc bản tại chùa Vĩnh Nghiêm và chùa Bồ Đà có hàng loạt những vấn đề ảnh hưởng đến giá trị như nhiều bản bị cong lồi máng hoặc cong mặt; bản khắc bị nứt đầu ván từ 1-4 vết; bị mối mọt gây hại; mất nét, mòn chữ. Trong tổng số 4.985 bản khắc (chùa Vĩnh Nghiêm: 3.050 bản, chùa Bồ Đà: 1.935 bản), nhóm nghiên cứu đã khảo sát 973 mộc bản và nhận thấy chỉ có 29 mộc bản (3%) còn giữ được trạng thái phẳng; còn lại 944 mộc bản (97%) bị cong vênh ở mức độ khác nhau; 779 bản (80,1%) bị nứt khuyết, 479 bản (49,2%) bị mất chữ hoặc hư hại phần khắc. Bên cạnh đó, hiện tượng nấm mốc gây hại cho mộc bản cũng khá phổ biến, chỉ có khoảng 8,2% là không bị nấm mốc trên bề mặt, còn lại ít nhất có một mặt bị nấm mốc, trong đó có hơn 70% số mộc bản được khảo sát thì phát hiện nấm mốc ở cả hai mặt của ván in (6). Những con số này phản ánh tình trạng xuống cấp nghiêm trọng của di sản mộc bản Phật giáo hiện nay. Nguyên nhân dẫn tới thực trạng đó có thể khái quát ở một số điểm sau:

Thứ nhất, sự xuống cấp tự nhiên của chất liệu gỗ - loại vật liệu hữu cơ có chu kỳ phân hủy nhất định. Trải qua thời gian dài, gỗ dễ bị tác động bởi nhiệt độ, độ ẩm, côn trùng và nấm mốc. Việc ngăn chặn quá trình hư hại này đòi hỏi kỹ thuật bảo quản chuyên sâu và định kỳ.

Thứ hai, điều kiện khí hậu nhiệt đới gió mùa với độ ẩm cao và nhiệt độ biến động mạnh là môi trường bất lợi cho việc lưu trữ các vật mang tin bằng gỗ.

Thứ ba, thiếu cơ sở vật chất và nguồn lực bảo quản tại chùa. Phần lớn các ngôi chùa vẫn sử dụng không gian thờ tự hoặc gian nhà kho tạm làm nơi lưu giữ, chưa có hệ thống tủ bảo quản, máy điều hòa độ ẩm, hoặc biện pháp kỹ thuật cần thiết.

Thứ tư, thiếu nhân lực chuyên môn trong việc kiểm kê, phiên âm và dịch thuật. Do mộc bản chủ yếu khắc bằng chữ Hán - Nôm, nên khả năng đọc hiểu và chú giải còn hạn chế, khiến việc phát huy giá trị nội dung chưa tương xứng với tiềm năng.

Thứ năm, công tác quản lý và đầu tư cho bảo tồn di sản tư liệu tôn giáo còn phân tán, chưa có chiến lược dài hạn cũng như sự phối hợp hiệu quả giữa các cơ quan quản lý, viện nghiên cứu và Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

Thực trạng trên đặt ra yêu cầu cấp thiết phải có chiến lược tổng thể và dài hạn cho công tác bảo tồn mộc bản Phật giáo, hướng tới mục tiêu bảo vệ bền vững đồng thời phát huy giá trị của loại hình di sản đặc thù này. Dưới đây là một số vấn đề cần đặc biệt quan tâm trong quá trình triển khai:

Bảo tồn mộc bản Phật giáo phải gắn liền với không gian gốc của các di sản. Các bộ mộc bản Phật giáo chủ yếu được lưu giữ trong chính các ngôi chùa - nơi gắn bó hữu cơ với đời sống tôn giáo và tâm linh của cộng đồng Phật tử. Môi trường nhân tạo trong chùa, bao gồm không gian kiến trúc, khí hậu, nghi lễ và nếp sinh hoạt của tăng ni, chính là yếu tố quyết định sự tồn tại lâu dài của mộc bản. Do vậy, điều kiện tiên quyết là phải tu bổ, tôn tạo, bảo tồn bền vững chính các ngôi chùa - nơi lưu giữ mộc bản. Mặt khác, về bản chất, mộc bản Phật giáo là một phần của di sản văn hóa Phật giáo, nên cần được bảo vệ và phát huy giá trị trước hết cho cộng đồng tu tập và giới Phật tử - những chủ thể sáng tạo và lưu giữ di sản. Việc di dời toàn bộ mộc bản khỏi chùa để bảo quản trong kho lưu trữ tuy có thể đảm bảo điều kiện kỹ thuật, nhưng lại làm mất đi tính linh thiêng và hạn chế khả năng phát huy giá trị trong đời sống tôn giáo và văn hóa đương đại.

Cần tiến hành điều tra, kiểm kê và thống kê toàn bộ hệ thống mộc bản Phật giáo ở vùng Bắc Bộ. Đây là cơ sở khoa học đầu tiên cho mọi hoạt động bảo tồn. Việc kiểm kê nên thực hiện dưới hình thức dự án tổng điều tra cấp quốc gia, có sự phối hợp giữa Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Cục Di sản văn hóa, Sở VH-TTDL các địa phương, cùng các viện nghiên cứu chuyên ngành. Công tác thống kê sẽ giúp xác định cụ thể số lượng, tình trạng, chủng loại, niên đại, nội dung và giá trị từng bộ mộc bản, từ đó làm căn cứ xây dựng kế hoạch quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị trong giai đoạn tới.

Chú trọng công tác phiên âm, dịch thuật và nghiên cứu nội dung mộc bản Phật giáo. Về cơ bản, mộc bản Phật giáo đều được thể hiện bằng chữ Hán - Nôm, chứa đựng nhiều tư tưởng, tri thức và giá trị ngôn ngữ - văn hóa. Tuy nhiên, việc khai thác còn rất hạn chế do thiếu đội ngũ chuyên gia Hán - Nôm, dẫn đến tình trạng di sản “được giữ mà chưa được hiểu”. Vì vậy, việc phiên âm, dịch thuật và chú giải học thuật là bước quan trọng để “mở kho báu tri thức” này, giúp nội dung mộc bản trở nên dễ tiếp cận, phục vụ cho nghiên cứu, giáo dục và truyền bá Phật pháp trong đời sống hiện đại.

Kết hợp hài hòa giữa kỹ thuật bảo tồn truyền thống và ứng dụng công nghệ hiện đại. Các chùa hiện nay vẫn duy trì nhiều biện pháp bảo quản dân gian như kê cao, tránh ẩm, vệ sinh định kỳ, xông khử côn trùng bằng thảo mộc... Tuy nhiên, cần được bổ sung bằng các phương pháp khoa học như kiểm soát vi khí hậu, quét số hóa (3D scanning), số hóa nội dung, xây dựng cơ sở dữ liệu điện tử và ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong nhận dạng, lưu trữ, cũng như thực tế ảo (VR/AR) để giới thiệu mộc bản tới công chúng. Việc số hóa không chỉ giúp bảo tồn nội dung thông tin mà còn góp phần quảng bá giá trị di sản rộng rãi, phù hợp với xu hướng chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa hiện nay.

Tăng cường hợp tác và huy động nguồn lực xã hội cho công tác bảo tồn. Bảo tồn mộc bản Phật giáo không thể thực hiện hiệu quả nếu chỉ dựa vào một cơ quan hoặc tổ chức riêng lẻ. Cần có sự hợp tác giữa Giáo hội Phật giáo Việt Nam, các cơ quan quản lý nhà nước, viện nghiên cứu, trường đại học, cùng sự tham gia của cộng đồng phật tử và doanh nghiệp trong việc đầu tư, hỗ trợ kỹ thuật, đào tạo nhân lực và truyền thông.

Việc tổ chức tập huấn cho tăng ni, quản lý di tích và người dân về kỹ năng bảo quản cơ bản (vệ sinh, ghi chép, phân loại, phát hiện sớm hư hại) là biện pháp thiết thực để bảo tồn bền vững, đồng thời góp phần nâng cao nhận thức cộng đồng về giá trị của di sản tư liệu Phật giáo.

4. Kết luận

Mộc bản Phật giáo là một bộ phận đặc biệt trong kho tàng di sản tư liệu Việt Nam, vừa mang giá trị vật thể, vừa hàm chứa chiều sâu tư tưởng, tôn giáo và văn hóa dân tộc. Dưới góc nhìn di sản tư liệu, mộc bản Phật giáo không chỉ là phương tiện lưu trữ và

truyền bá kinh điển, mà còn là minh chứng sinh động cho trình độ tri thức, kỹ thuật khắc in, ngôn ngữ và mỹ thuật của người Việt qua nhiều thế kỷ.

Thực tiễn khảo sát tại các ngôi chùa vùng đồng bằng Bắc Bộ cho thấy, phần lớn mộc bản Phật giáo hiện đang bị xuống cấp nghiêm trọng do điều kiện khí hậu, thời gian và thiếu thốn cơ sở bảo quản. Điều đó đặt ra yêu cầu cấp thiết về một chiến lược bảo tồn tổng thể, kết hợp giữa kỹ thuật bảo quản hiện đại và tri thức bản địa, giữa nghiên cứu học thuật và sự tham gia của cộng đồng tôn giáo - những người đang trực tiếp gìn giữ di sản. Trong bối cảnh toàn cầu hóa và chuyển đổi số hiện nay, việc bảo tồn và phát huy giá trị mộc bản Phật giáo không chỉ góp phần bảo vệ ký ức văn hóa của dân tộc, mà còn tạo điều kiện để Việt Nam khẳng định vị thế của mình trong mạng lưới di sản tư liệu khu vực và thế giới. Mỗi bộ mộc bản Phật giáo không chỉ là hiện vật tôn giáo, mà còn là chứng tích sống động của trí tuệ, tâm linh và bản sắc Việt Nam, cần được trân trọng, gìn giữ và lan tỏa cho các thế hệ hôm nay và mai sau ■

T.Đ.N

1. UNESCO, *Chương trình Ký ức thế giới: Hướng dẫn chung đối với việc bảo vệ di sản tư liệu*, Bản được chỉnh sửa năm 2002 do Ray Edmonson biên soạn cho UNESCO (*Memory of the world: General guidelines to safeguard documentary heritage*), 2002.

2. Phạm Thị Khánh Ngân, *Về di sản tư liệu ở Việt Nam*, Tạp chí *Di sản văn hóa*, số 4 (57), 2016, tr.26-32.

3. Vũ Thị Minh Hương, *Chương trình Ký ức thế giới của UNESCO ở Việt Nam*, Nxb *Mỹ thuật*, Hà Nội, 2022, tr.16.

4. Tiêu chuẩn quốc gia, *TCVN 10382:2014 Di sản văn hóa và các vấn đề liên quan - Thuật ngữ và định nghĩa chung*, Cục Di sản văn hóa biên soạn, Bộ VH-TT-DL đề nghị, Tổng cục Đo lường chất lượng thẩm định, Bộ Khoa học và Công nghệ công bố, 2014, tr.5.

5. *Luật Di sản văn hóa năm 2024*, Nxb *Chính trị quốc gia Sự thật*, tr.9.

6. Nguyễn Thị Bích Ngọc, Hoàng Trung Hiếu, Lê Ngọc Hoan, *Hiện trạng mộc bản Phật giáo tại chùa Bồ Đà và chùa Vĩnh Nghiêm tỉnh Bắc Giang*, Tạp chí *Khoa học Lâm nghiệp*, số 4-2015.

Ngày Tòa soạn nhận bài: 1-10-2025; Ngày phản biện, đánh giá, sửa chữa: 20-10-2025; Ngày duyệt đăng: 30-10-2025.